TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-3-2019
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trường Sơn
2. Ông Lê Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Không tham gia.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Chí A, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khóm M, thị trấn N, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1976
Địa chỉ: Số G, khóm K, phường L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn ông Trần Chí A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Chí A trình bày:

Năm 2012, tôi có kết hôn với cô Nguyễn Thị Ngọc B, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 31/7/2012 và Trần Mai O, sinh ngày 29/8/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn do vợ tôi xem thường chồng, lo chơi cờ bạc. Tôi đã cố gắng tạo điều kiện để hòa hợp nhưng đến nay chúng tôi không thể chung sống với nhau được nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn. Về con chung là có 02 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 31/7/2012 và Trần Mai O, sinh ngày 29/8/2013, tôi đồng ý giao con cho vợ tôi nuôi dưỡng và tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện*:

Năm 2012 chúng tôi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 31/7/2012 và Trần Mai O, sinh ngày 29/8/2013. Lý do chồng tôi yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý vì tôi không xem thường gia đình chồng, không đánh đề. Chồng tôi có vợ nhỏ nên đòi chia tay với nhau, về nhà đánh tôi trong lúc nghỉ chạy xe 02 tháng. Tôi kêu đi làm không đi mà về nhà mẹ ruột ở. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được đoàn tụ vì tôi không đồng ý ly hôn. Về con chung là Trần Chí H, sinh ngày 31/7/2012 và Trần Mai O, sinh ngày 29/8/2013, hiện nay tôi đang nuôi dưỡng, tôi yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông A có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà B. Về con chung ông A đồng ý giao con chung cho vợ nuôi dưỡng và ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp Xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con", căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Chí A và bà Nguyễn Thị Ngọc B kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Do trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A cho rằng bà B không tôn trọng ông và chơi cờ bạc, còn bà B cho rằng ông A có quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm được nên ông A yêu cầu ly hôn với bà B. Tại phiên tòa hôm nay, bà B vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của bà B cũng là thể hiện ý chí không muốn hàn gắn cùng ông A và từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông A, do giữa vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã ly thân với nhau nên ông A yêu cầu ly hôn với bà B. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng ông A và bà B không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A.

[4] Về con chung: 02 người là Trần Chí H, sinh ngày 31/7/2012 và Trần Mai O, sinh ngày 29/8/2013, hiện đang sống chung với mẹ và với độ tuổi trẻ em của các cháu cần phải có mẹ chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A, giao cháu H và cháu O cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 (hai triệu) đồng cho mỗi người con chung của bà B và ông A đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng với mức 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy theo lời trình bày của bà B thì hiện nay ông A không có việc làm và thu nhập ổn định, nên cần xem xét điều kiện thi hành án của ông A đối với số tiền cấp dưỡng. Tuy nhiên, ông A đã có thiện chí và tự nguyện đồng ý với mức cấp dưỡng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/cháu/tháng là thỏa đáng với mức sống tại địa phương và cũng phù hợp với quy định của phát luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông A và bà B đều khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông A phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 69; 71; 72 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Chí A.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Chí A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 31/7/2012 và Trần Mai O, sinh ngày 29/8/2013 cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Chí A cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng đầu tiên tính từ ngày 01/3/2019.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông A và bà B đều khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

*** Về án phí:** Buộc ông Trần Chí A phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000869 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Do số tiền cấn trừ còn chưa đủ nên ông A phải tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Thị Bích Chi